

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN Ô  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11/10/2019

V/v: “Tranh chấp không công  
nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Liên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Dương Văn Nghiêm

2/ Bà Bùi Thanh Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Minh P**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khu vực T, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ (*có mặt*).

- *Bị đơn:* Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khu vực T, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ (*Có đơn xin vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2019 và quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Nguyễn Minh P trình bày và yêu cầu như sau:*

Sau thời gian tìm hiểu nhau đến năm 1993, anh và chị Lê Thị H được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, vợ chồng sống chung từ đó nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống anh chị có một con tên 01 con chung tên Nguyễn Thị Bích H (nữ), sinh ngày 30/3/1997.

Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, cả hai không tin tưởng nhau về tình cảm và về tiền bạc nên thường xuyên cự cãi. Anh chị đã cố gắng hòa hợp nhưng không có kết quả nên cả hai đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay mỗi người đều đã có cuộc sống riêng tư, bản thân anh không còn tình cảm với chị Hai được nữa, nên nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Anh yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Hai.

Về con chung: Anh chị có một con tên Nguyễn Thị Bích H (nữ), sinh ngày 30/3/1997. Bích H đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Tại bản tự khai đề ngày 03/10/2019 và quá trình tham gia tố tụng bị đơn chị Lê Thị H trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị H thống nhất với lời trình bày của anh P về quá trình hôn nhân, anh chị chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2008 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh chị không tin tưởng nhau về tình cảm và tiền bạc nên thường xuyên cãi vã, cả hai cũng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị đồng ý yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh P.

Về con chung: Có một con tên Nguyễn Thị Bích H (nữ), sinh ngày 30/3/1997. Bích H đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn.

- Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Minh P và chị Lê Thị H được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống,

có phát sinh mâu thuẫn nên anh P khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với chị H nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng”. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại quận Ô, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 7 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Anh P và chị H chung sống như vợ chồng năm 1993 và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh chị sống chung hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay, anh Phúc cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, anh chị không có sự tin tưởng nhau về tình cảm và cả tiền bạc nên thường xuyên cự cãi nhau, từ đó làm cho cuộc sống trong gia đình không còn hạnh phúc nên cả hai đã ly thân từ năm 2008 đến nay, thời gian cả hai không còn sống chung với nhau đã lâu và hiện tại mỗi người đều đã có cuộc sống riêng tư; Tại biên bản tự khai ngày 05/9/2019 của chị Lê Thị H, cũng như tại biên bản làm việc ngày 03/10/2019 tại Tòa án nhân dân quận Ô thì chị H cũng thống nhất việc anh P xin không công nhận quan hệ vợ chồng với chị, đồng thời chị có đơn xin xét xử vắng mặt.

Xét thấy, trong khoảng thời gian anh chị chung sống với nhau như vợ chồng có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vì vậy xét yêu cầu của anh P đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng và chị H cũng đồng ý là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh P và chị H.

[3] Về con chung: Các đương sự thống nhất có một con chung tên Nguyễn Thị Bích H (nữ), sinh ngày 30/3/1997 đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Tại Bản tự khai của anh Nguyễn Minh P và chị Lê Thị H cùng ngày 05/9/2019 và tại biên bản làm việc ngày 03/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Ô thì anh P và chị H đều thống nhất là không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 7 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 8, 9, 14, 15, 16, 51, 55, 56; 57, 58 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Minh P và chị Lê Thị H.

- Về con chung: Nguyễn Thị Bích H (nữ), sinh ngày 30/3/1997 đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh P phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí anh Phúc đã nộp theo biên lai thu số 010586 ngày 12/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô sang thành tiền án phí (công nhận anh P đã nộp xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thanh Hà**

**Dương Văn Nghiêm**

**Trương Thị Liên**